

# Inspiron 20

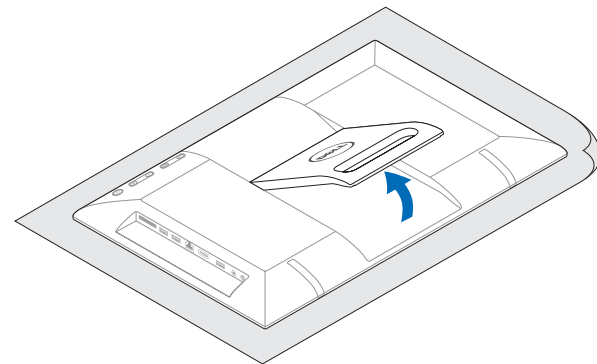
## Quick Start Guide

Guide d'information rapide  
Panduan Pengaktifan Cepat  
Hướng Dẫn Bắt Đầu Nhanh  
دليل البدء السريع



### 1 Lift the stand

Soulevez le socle | Angkatudukan  
Nhấc chân đỡ lên | رفع الحامل



### 2 Set up the keyboard and mouse

Installez le clavier et la souris  
Memasang keyboard dan mouse  
Cài đặt bàn phím và chuột  
إعداد لوحة المفاتيح والماوس

See the documentation that shipped with the keyboard and mouse.

Reportez-vous à la documentation fournie avec le clavier et la souris sans fil.

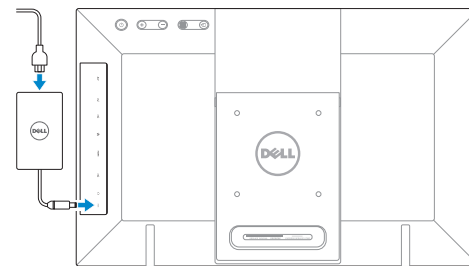
Lihat dokumentasi yang dikirimkan dengan keyboard dan mouse tersebut.

Xem tài liệu đi kèm với bàn phím và chuột.

شاهد المستندات المرفقة بلوحة المفاتيح والماوس.

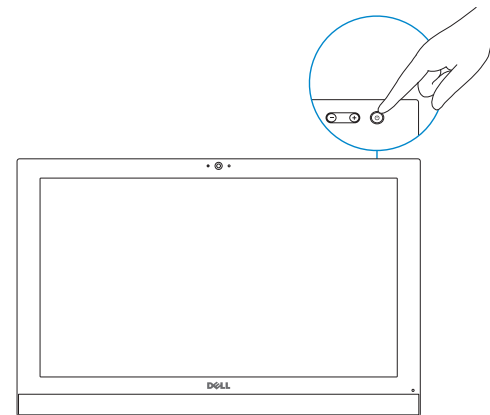
### 3 Connect the power adapter

Branchez l'adaptateur secteur | Sambungkan adaptor daya  
Đầu nối bộ chuyển điện | التوصيل بمهbayي التيار



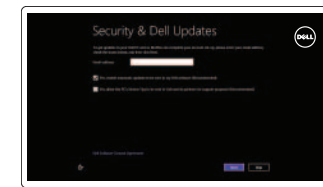
### 4 Press the power button

Appuyez sur le bouton d'alimentation | Tekan tombol daya  
Bấm nút nguồn | اضغط على زر التشغيل



### 5 Finish Windows setup

Terminez l'installation de Windows | Tuntaskan penataan Windows  
Hoàn tất cài đặt Windows | قم بإنهاء إعداد Windows



#### Enable security and updates

Activez la sécurité et les mises à jour  
Aktifkan keamanan dan pembaruan  
Bật tính năng bảo mật và cập nhật  
قم بتمكين الأمان والتحديثات



#### Connect to your network

Connectez-vous à votre réseau  
Terhubung ke jaringan Anda  
Kết nối tới mạng của bạn  
قم بالاتصال بالشبكة



#### Sign in to your Microsoft account or create a local account

Connectez-vous à votre compte Microsoft ou créez un compte local  
Masuk ke dalam akun Microsoft Anda atau buat akun lokal  
Đăng nhập vào tài khoản Microsoft của bạn và tạo tài khoản trên máy tính  
قم بتسجيل الدخول إلى حساب Microsoft أو قم بإنشاء حساب محلي

### 6 Explore resources

Explorez les ressources | Jelajahi sumber daya  
Khám phá nguồn tài liệu | استعراض الموارد



#### Help and Tips

Aide et astuces | Bantuan dan Tips  
Trợ giúp và Mẹo | تعليمات وتلميحات



#### My Dell

Mon Dell | Dell Saya  
Dell của tôi | جهاز Dell الخاص بي

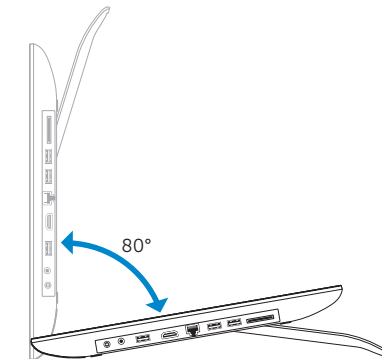
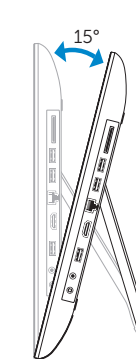


#### Register your computer

Enregistrez votre ordinateur | Daftarkan komputer Anda  
Đăng ký máy tính của bạn | قم بتسجيل الكمبيوتر

### Tilt

Inclinaison | Kemiringan  
Xoay nghiêng | مائل



## Product support and manuals

Support produits et manuels  
Manual dan dukungan produk  
Hỗ trợ sản phẩm và sách hướng dẫn  
دعم المنتج والأدلة

## Contact Dell

Contacter Dell | Hubungi Dell  
Liên hệ Dell | Dell

## Regulatory and safety

Règlementations et sécurité | Regulasi dan keselamatan  
Quy định và an toàn | ممارسات الأمان والممارسات التنظيمية

## Regulatory model

Modèle réglementaire | Model Regulatori  
Model quy định | الموديل التنظيمي

## Regulatory type

Type réglementaire | Jenis regulatori  
Loại quy định | النوع التنظيمي

## Computer model

Modèle de l'ordinateur | Model komputer  
Model máy tính | موديل الكمبيوتر

[dell.com/support](http://dell.com/support)

[dell.com/support/manuals](http://dell.com/support/manuals)

[dell.com/windows8](http://dell.com/windows8)

[dell.com/contactdell](http://dell.com/contactdell)

[dell.com/regulatory\\_compliance](http://dell.com/regulatory_compliance)

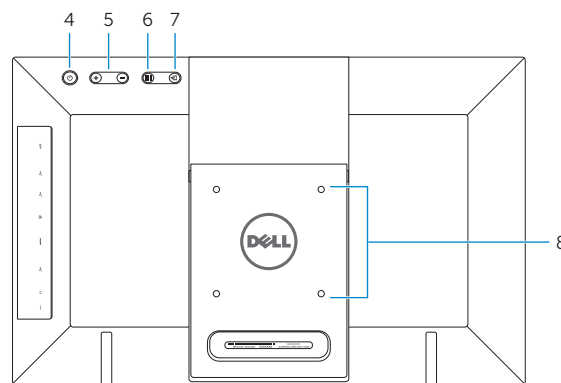
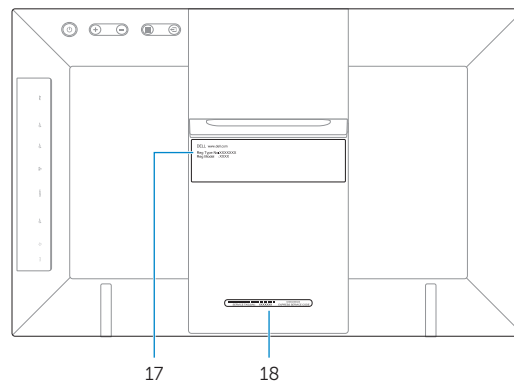
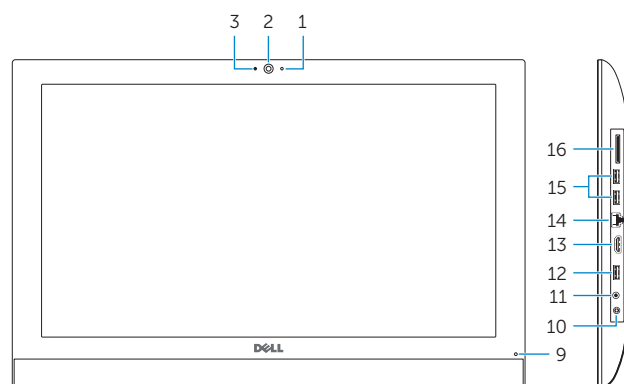
**W13B**

**W13B001**

**Inspiron 20 Model 3043**

## Features

Caractéristiques | Fitur | Tính năng | الميزات



1. Camera-status light
2. Camera
3. Microphone
4. Power button
5. Brightness-control buttons (2)
6. Screen off/Menu button
7. Input source select/Exit button
8. VESA mount
9. Power-status light
10. Power-adaptor port
11. Headphone port
12. USB 2.0 port
13. HDMI-in port
14. Network port
15. USB 2.0 ports (2)
16. Media-card reader
17. Regulatory label
18. Service Tag label

1. Voyant d'état de la caméra
2. Caméra
3. Microphone
4. Bouton d'alimentation
5. Boutons de commande de la luminosité (2)
6. Bouton Marche ou arrêt de l'écran/Menu
7. Bouton Sélection de la source d'entrée/Quitter
8. Montage VESA
9. Voyant d'état de l'alimentation

10. Port de l'adaptateur secteur
11. Port casque
12. Port USB 2.0
13. Port d'entrée HDMI
14. Port réseau
15. Ports USB 2.0 (2)
16. Lecteur de carte mémoire
17. Étiquettes de conformité aux normes
18. Étiquette de numéro de série

1. Đèn trạng thái camera
2. Camera
3. Micrô
4. Nút nguồn
5. Các nút điều chỉnh độ sáng (2)
6. Tắt màn hình/nút Menu
7. Chọn nguồn vào/Nút thoát
8. Ngàm gắn kiểu VESA
9. Đèn trạng thái nguồn

10. Cổng bộ chuyển đổi nguồn điện
11. Cổng tai nghe
12. Cổng USB 2.0
13. Cổng HDMI vào
14. Cổng mạng
15. Cổng USB 2.0 (2)
16. Khe đọc thẻ nhớ
17. Nhãn quy định
18. Nhãn Thẻ Dịch Vụ

1. Lampu status kamera
2. Kamera
3. Mikrofon
4. Tombol daya
5. Tombol kontrol kecerahan (2)
6. Layar mati/Tombol Menu
7. Pemilihan sumber masukan/Tombol Keluar
8. Pemasangan VESA
9. Lampu status daya

10. Port adaptor daya
11. Port headphone
12. Port USB 2.0
13. Port HDMI-in
14. Port jaringan
15. Port USB 2.0 (2)
16. Pembaca kartu media
17. Label regulatori
18. Label Tag Servis

10. منفذ مهايي التيار
11. منفذ سماعة الرأس
12. منفذ USB 2.0
13. منفذ دخل HDMI
14. منفذ الشبكة
15. منافذ USB 2.0 (2)
16. قارئ بطاقة الوسائط
17. الملصق التنظيمي
18. ملصق رمز الخدمة

1. مصباح حالة الكاميرا
2. الكاميرا
3. الميكروفون
4. زر التيار
5. أزرار التحكم في السطوح (2)
6. غلق الشاشة / زر القائمة
7. حدد مصدر الإدخال / زر الإنهاء
8. تثبيت VESA
9. مصباح حالة الطاقة

